

Chơn Thành, ngày 07 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 29 tháng 11 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 167/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2020;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim S, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: Tổ 08, ấp Thủ C, xã Thành T, huyện Chơn T, tỉnh Bình Phước;

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Ngô Anh K, sinh năm: 1998, địa chỉ: Số 95 Hùng V, khu phố 4B, thị trấn Dầu T, huyện Dầu T, tỉnh Bình Dương.

1.2. Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Tổ 08, ấp Thủ C, xã Thành T, huyện Chơn T, tỉnh Bình Phước.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phạm Tiến Thiên T, sinh năm: 1982, địa chỉ cư trú: Số 10, tổ 17, khu phố 5, thị trấn Dầu T, huyện Dầu T, tỉnh Bình Dương.

1.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Anh T, sinh năm: 1973, địa chỉ: ấp Thủ C, xã Thành T, huyện Chơn T, tỉnh Bình Phước.

- Ông Nguyễn Bá V, sinh năm: 1979, hộ khẩu thường trú: Ấp 4, xã Hòa H, huyện Xuyên M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Địa chỉ tạm trú: Ấp Thủ C, xã Thành T, huyện Chơn T, tỉnh Bình Phước.

- Ông Nguyễn Anh Đ sinh năm: 1991, địa chỉ cư trú: Ấp Hiếu C, thị trấn Chơn T, huyện Chơn T, tỉnh Bình Phước.

- Sở Tài nguyên – M. Đại diện theo ủy quyền ông Lê Tiến L- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Chơn T.

- Bà Trần Thị V, sinh năm: 1950, địa chỉ cư trú: Tổ 8, ấp Thủ C, xã Thành T, huyện Chơn T, tỉnh Bình Phước.

Đại diện theo ủy quyền của bà V: Anh Đỗ Văn N, sinh năm: 1992, địa chỉ cư trú: Xã An B, huyện Phú G, tỉnh Bình Dương.

- Văn phòng Công chứng Chơn T, địa chỉ: Tổ 9, khu phố Trung L, thị trấn Chơn T, huyện Chơn T, tỉnh Bình Phước. Đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Thị Hà X.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Trần Thị V, bà Trần Thị Kim S, ông Nguyễn Ngọc H và ông Nguyễn Anh Đ thỏa thuận điều chỉnh, cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa đất tọa lạc tại ấp Thủ Chánh, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước: thửa số 269, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.777,7m², số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CI 376206 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 04/7/2017 cho ông Nguyễn Anh Đ; thửa đất số 270, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.425,7m² giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 998201 ngày 01/11/2011 do UBND huyện Chơn Thành đất cấp đứng tên ông Nguyễn Ngọc H và thửa đất số 201, tờ bản đồ số 16, diện tích 5908,6m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 341081 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 01/10/2018 đứng tên bà Trần Thị V theo đúng diện tích đất thực tế các bên sử dụng như sơ đồ bản vẽ bổ sung ngày 26/11/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước như sau:

2.1. Ông Nguyễn Ngọc H được quản lý, sử dụng toàn bộ thửa đất số 269, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.777,7m², số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CI 376206 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 04/7/2017 cho ông Nguyễn Anh Đ và diện tích 644,1m² đất thuộc thửa đất số 270, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.425,7m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 998201 ngày 01/11/2011 do Ủy ban nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước cấp đứng tên ông Nguyễn Ngọc H, đất tọa lạc tại ấp Thủ Chánh, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Diện tích sau khi cấp đổi, chỉnh lý lại là 2421,8m² (trong đó có 200m² thổ cư), đất có tứ cận: đông giáp thửa số 155, tây giáp thửa đất hiện tại ông Nguyễn Anh Đức đang quản lý sử dụng, bắc giáp đường đất chiều cạnh 36,29m (cạnh 8,29 + 1,71 + 12,01 + 14,28), nam giáp đường số 6 chiều cạnh 36,58 m (cạnh 8,58 + 1,42 + 12 + 14,58).

2.2. Ông Nguyễn Anh Đ được quản lý, sử dụng diện tích 881,8m² là một phần thuộc thửa đất số 270, tờ bản đồ số 16, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 998201 do Ủy ban nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước cấp ngày 01/11/2011 đứng tên ông Nguyễn Ngọc H và diện tích 949,1m² là một phần thuộc

thửa số 201, tờ bản đồ số 16, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 341081 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 01/10/2018 đứng tên bà Trần Thị V. Diện tích đất ông Nguyễn Anh Đ sau khi cấp đổi, chỉnh lý lại là 1830,9m², đất tọa lạc tại ấp Thủ Chánh, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Đất có tứ cận: Phía đông giáp thửa đất đứng tên ông Nguyễn Ngọc H, tây giáp thửa đất đứng tên bà Trần Thị V, bắc giáp đường đất chiều cạnh 28 m (cạnh 14,29 + 13,71), nam giáp đường số 6 chiều cạnh 28,01 m (cạnh 14,59 + 13,42).

2.3. Bà Trần Thị V được quản lý, sử dụng thửa số 201, tờ bản đồ số 16, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 341081 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 01/10/2018 đứng tên bà Trần Thị Vân, đất tọa lạc tại ấp Thủ Chánh, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Diện tích đất bà Trần Thị V sau khi cấp đổi, chỉnh lý lại là 4959,5m², đất có tứ cận: đông giáp thửa đất đứng tên ông Nguyễn Anh Đ, tây giáp đường D11, bắc giáp đường đất cạnh 71,42 m (chưa trừ hành lang lộ giới), nam giáp đường số 6 cạnh 67,64 m.

Các đương sự bà Trần Thị V, ông Nguyễn Ngọc H và ông Nguyễn Anh Điền hệ đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký cấp đổi, chỉnh lý lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng diện tích đất thực tế đang sử dụng theo sơ đồ đo vẽ bổ sung ngày 26/11/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

2.4. Chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: là 9.630.846 đồng (4.630.846 đồng chi phí đo đạc + 5.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản). Nguyên đơn bà Trần Thị Kim S tự nguyện chịu toàn bộ. Do nguyên đơn bà S đã tạm ứng trước nên được trừ vào số tiền đã tạm ứng.

2.5. Án phí: Bà Trần Thị Kim S chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà S đã nộp nên hoàn trả cho bà Trần Thị Kim S số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009218 ngày 24/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Anh T số tiền 900.000 đồng (*Chín trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009703 ngày 05/11/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Anh Đ số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009505 ngày 10/7/2018 và số tiền 28.500.000 đồng (*Hai mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng*)

tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003819 ngày 02/10/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Võ Văn Vân